TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 02 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Khóm Nguyễn Q, xã thị Trấn Cái N, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Hồng Nh trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị Nguyễn Hồng Nh và anh Lê Văn Đ chung sống năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chúng sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Quá trình chung sống chị Nh và anh Đ có 03 con chung gồm: Lê Trung H sinh năm 2008, Lê Trí H sinh năm 2009, Lê Trọng H sinh năm 2022. Sau khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chị Nh xác định không có.

** Đối với anh Lê Văn Đ:* Tòa án có tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị Nh nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Hồng Nh có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh thấy rằng: Chị Nh và anh Đ tự nguyện chung sống từ năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được; anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Nh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với Nhu như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối cH với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị Nh và anh Đ không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thanh và chị Nguyên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung qua xem xét nguyện vọng của Trung H và Trí H thể hiện các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị Nh. Như vậy, yêu cầu của chị Nh phù hợp với nguyện vọng của Trung H và Trí H; anh Đ không có ý kiến gì về vấn đề này do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, giao Trung H, Trí H và Trọng H cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Nh xác định không có. Anh Đ không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; khi có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nh phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hồng Nh với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao Lê Trung H sinh năm 2008, Lê Trí H sinh năm 2009, Lê Trọng H sinh năm 2022 cho chị Nguyễn Hồng Nh tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Trung H, Trí H và Trọng H đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Lê Văn Đ có quyền và nghĩa vụ, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng Nh phải chịu là 300.000 đồng. Chị Nh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000480 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, chị Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai